

NHU CẦU VĂN HÓA TINH THẦN CỦA NÔNG DÂN NGHÈO MIỀN NÚI TÂY BẮC

Nguyễn Thị Lan – Bùi Thị Vân Anh
Viện Tâm lý học.

1. Đặt vấn đề

Nhu cầu là một trong những thành tố tâm lý quan trọng nhất của con người. Là động lực thúc đẩy hành động, nguồn gốc của tính tích cực cá nhân, nhu cầu có khả năng điều khiển hành vi, xác định xu hướng của tư duy, tình cảm và lý trí của con người. Từ cách tiếp cận như vậy, bài viết sau đây đề cập đến nhu cầu văn hoá, tinh thần của nông dân nghèo vùng miền núi Tây Bắc. Trong nghiên cứu này, nhu cầu tinh thần của nông dân nghèo vùng miền núi Tây Bắc được xem xét ở một số khía cạnh như: nhu cầu giáo dục, nhu cầu hoạt động văn hóa.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: 325 người đại diện cho các hộ gia đình nông dân nghèo sinh sống tại các xã nghèo và đặc biệt nghèo của các tỉnh Hoà Bình, Yên Bái, Lào Cai và Lai Châu (có một số là đại diện các hộ gia đình mới thoát nghèo).

Phương pháp nghiên cứu: Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn sâu có cấu trúc và quan sát thực địa.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhu cầu giáo dục

Kết quả nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn của người dân là chìa khóa của phát triển kinh tế xã hội. Phần đông những người nghèo rơi vào các trường hợp mù chữ và học vấn thấp (tiểu học). Trong nghiên cứu này, nhu cầu giáo dục của nông dân nghèo vùng miền núi Tây Bắc được xem xét dưới góc độ trẻ em được đến lớp học hoặc bỏ học của các hộ gia đình.

Bảng 1: Thống kê số lượng trẻ em đang đi học và bỏ học của các hộ gia đình

Nội dung	Các phương án	Tỷ lệ hộ gia đình
Số trẻ em đang đi học trong hộ gia đình	Không có trẻ em đang đi học	29.9
	1 trẻ em đang đi học	28.9
	2 trẻ em đang đi học	34.5
	Từ 3- 4 trẻ em đang đi học	6.7
Số trẻ em bỏ học trong độ tuổi đi học trong hộ gia đình	Không có trẻ em bỏ học	63.5
	1 trẻ em bỏ học	11.5
	2 trẻ em bỏ học	10.2
	Từ 3 trẻ em trở lên bỏ học	4.8
Lớp học đạt được của trẻ em trong các gia đình	Học đến lớp 5	14.5
	Học đến lớp 7	8.7
	Học đến lớp 8	7.2
	Học đến lớp 9	50.7
	Học đến lớp 10	4.3
	Học đến lớp 12	8.7

Kết quả khảo sát trình bày trong bảng 1 cho thấy, có tới gần 1/3 số khách thể được hỏi cho biết gia đình họ có 1 con đang đi học (28,9%), 34,5% số hộ có 2 con đi học, 5,3% số hộ có 3 con đi học và 1,4% số hộ có 4 con đi học. Những hộ gia đình có 3 – 4 con đi học chủ yếu là những gia đình thoát nghèo.

Tìm hiểu thêm về học vấn của trẻ em trong các hộ gia đình nghèo, chúng tôi thu được kết quả như sau: có tới trên 1/2 số hộ gia đình có trẻ em được học đến lớp 9. Bậc học này là khá phổ biến với trẻ em dân tộc Mường xã Hưng Thi, tỉnh Hòa Bình, dân tộc Thái thôn Chom Chăng, Lai Châu, nhưng lại rất hiếm với người H'Mông trong mẫu khảo sát của chúng tôi. Đa số trẻ em của họ chỉ được học đến lớp 5 và không thể tiếp tục đến trường do đi lại quá khó khăn, trường lớp quá xa, cha mẹ không đủ điều kiện chu cấp kinh tế cho các em đi ở trọ được. Trong khi đó, các hộ gia đình có con học đến các lớp ở bậc học THPT chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp (4.3% lớp 10 và 8.7 lớp 12).

Trong phỏng vấn sâu của chúng tôi, ông Giàng A G. xác nhận rằng, *hiện ở thôn Hua Cưởm của người H'Mông chỉ có các lớp cấp 1, nếu muốn học lên phải xuống trường huyện hoặc trường dưới xã ở trọ. Đa số trẻ em H'Mông học đến lớp 5, chỉ những gia đình nào khá giả lắm mới có thể nuôi con học ở trọ đến cấp 3.* Ông G. cũng như nhiều bà con dân tộc H'Mông chỉ mong muốn Nhà nước xây trường cấp 2 ở thôn Hua Cưởm tạo điều kiện cho con em họ được tiếp tục học lên cao hơn.

Một khía cạnh nữa trong nhu cầu giáo dục được chúng tôi tìm hiểu là tỷ lệ trẻ em bỏ học trong các hộ gia đình. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, phần lớn trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường (71%). Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh bỏ học cũng khá nhiều. Cụ thể như sau: Có 12,9% gia đình có 1 con bỏ học, 11,4% gia đình có 2 con bỏ học, 1,4% gia đình có 3 con bỏ học, 1,5% gia đình có 4 con bỏ học, 1% gia đình có 5 con bỏ học và 2% gia đình có 6 con bỏ học.

Về lý do bỏ học của trẻ em trong các gia đình đã được những người dân tham gia nghiên cứu giải thích như sau: 1) Không có tiền cho con ăn học (37,1%); 2) Nhà ở quá xa trường học (21,6%); 3) Do học hành yếu kém, không theo được nên các em bỏ học hoặc thi không đỗ cấp 3 hoặc bị ốm đau, bệnh tật. Con không muốn đi học (19,6%); 4) Không có người làm nên đã cho con em bỏ học để đi làm kiếm kế sinh nhai (17,5%); 6) Một số ít gia đình cho biết nguyên nhân khiến các em bỏ học là do bố mẹ ly hôn hoặc bố nghiện ngập, con xấu hổ không dám đến lớp (2,1%) và 7) Một số gia đình khác cho rằng: học thể là đủ, ở nhà làm giúp đỡ bố mẹ, nếu có học cao nữa cũng không xin được việc (2,1%).

So sánh giữa các dân tộc, kết quả cho thấy, phần lớn (84,6%) các chủ hộ là người dân tộc Kinh không có con trong độ tuổi đến trường bỏ học. Người dân tộc Dao có số con trong độ tuổi đến trường bỏ học nhiều nhất (42%), tiếp đó là dân tộc H'Mông (29,4%); dân tộc Thái (28%); Mường (26,2%); Nùng (25%); Tày (18,5%). Nguyên nhân trẻ em bỏ học cao trong các dân tộc Dao và H'Mông có thể do sự xa xôi, cách biệt. Qua tìm hiểu thực địa chúng tôi thấy rằng, tất cả địa bàn mà chúng tôi khảo sát đều ở rất xa các trường cấp 3, ngay các thôn/bản của người H'Mông và người Dao cũng rất xa trường cấp 2. Phần lớn trẻ em trong các gia đình người H'Mông và người Dao nếu muốn đi học từ cấp 2 trở lên đều phải đi ở trọ. Do điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy không phải gia đình nào cũng có thể đáp ứng được nhu cầu này.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, toàn bộ các chủ hộ có học vấn cao đều không có con trong độ tuổi đến trường bỏ học. Trong khi đó chỉ có 46% số hộ gia đình, chủ hộ có học vấn thấp có con không bỏ học. Kết quả cũng cho thấy, những gia đình chủ hộ có học vấn cao thì con của họ có điều kiện học lên lớp 11, 12 nhiều hơn những gia đình chủ hộ có học vấn thấp (gia đình có con học cấp 3 ở những gia đình có học vấn cấp 3 là 4,2%; gia đình mà chủ hộ không biết chữ không có con nào học lên tới lớp 11, 12).

So sánh theo tiêu chí kinh tế, nhận thấy, những gia đình thoát nghèo có điều kiện cho con em họ học lên cao hơn những gia đình nghèo (36,8% hộ thoát nghèo có con học lên cấp 3, trong khi đó không có con em hộ nghèo nào học lên cấp 3).

Ý kiến của chủ hộ về việc cho con tiếp tục học lên cao:

Phần lớn số người được hỏi cho biết họ đều mong muốn cho con học lên cao (89,8%); chỉ có một số ít người không muốn cho con tiếp tục học nữa (7,6%), khoảng 2,5% không biết có nên cho con học nữa hay không. Toàn bộ (100%) chủ hộ có học vấn cao đều mong muốn cho con học lên cao. Trong khi đó chỉ có 90% số hộ có học vấn thấp mong muốn điều này. Có thể với trình độ học vấn cao hơn, các chủ hộ ý thức được tầm quan trọng của học vấn hơn những chủ hộ có học vấn thấp. Hầu hết những chủ hộ trẻ tuổi (dưới 30) đều mong muốn cho con họ học lên cao, trong khi đó chỉ có 70,8% số chủ hộ cao tuổi mong muốn cho con họ học lên cao. Có thể lý giải điều này, những chủ hộ trẻ tuổi, được tiếp xúc nhiều hơn với xã hội hiện đại, điều kiện học tập của họ cũng tốt hơn so với cha mẹ họ trước kia, điều này khiến họ có ý thức hơn về việc đầu tư cho con cái học tập để có tương lai tốt đẹp hơn ông bà, cha mẹ họ.

So sánh giữa các dân tộc được khảo sát kết quả cho thấy, hầu như người Kinh nào (100%) cũng muốn con họ được học cao hơn nữa, có đến 1/5 số người Nùng được hỏi không muốn cho con họ học lên cao, con số này ở người Tày là 13,3%, người Dao: 5,7%; người Thái: 2,3%.

Như vậy, nhu cầu cho con học lên cao của người dân là tương đối lớn. Giải thích về dự định muốn cho con học lên cao, những người được hỏi cho biết lý do:

+ Bố mẹ không biết chữ nên cho con học lên cao cho đỡ khổ; Cho con học lên cao để biết cách làm ăn, thoát nghèo; Học để có ý thức hơn, khôn khéo hơn để mọi người đỡ chê cười; Xã hội phát triển thì phải nâng cao nhận biết, hiểu biết về pháp luật của Nhà nước (62,2%).

+ Học để có tương lai tươi sáng, được đi làm Nhà nước, để có nghề (17,2%).

+ Một số ít người (7,8%) thì cho rằng: Học hết lớp 12 thôi vì người dân tộc không có tiền cho con đi học. Con trai học hết cấp 3, con gái học hết cấp 2 vì nếu học cao nữa cũng không biết học ở đâu (vì xã không có trường).

+ Một vài người (1,7%) trả lời họ “không biết” có cho con học lên cao nữa không vì việc học hành của con cái còn tùy theo số phận, tùy theo kinh tế của gia đình.

Có thể nhận thấy, hầu hết người dân đều hiểu tầm quan trọng của giáo dục đối với con em mình, họ có lý do tốt đẹp để họ cho con đi học, họ hiểu giáo dục như chiếc chìa khoá để thoát nghèo và để tiếp nhận những cơ hội mới. Mọi người đều muốn cho con học lên cao, họ cũng nhận thức được ưu thế của việc tiếp tục học lên cao, nhưng đối với người nghèo, còn có quá nhiều trở ngại để tiếp cận được với giáo dục (đường xá đi lại xa xôi, cách trở, số lượng trường

lớp ít, thêm vào đó, những chi phí cho giáo dục lại bao gồm nhiều khoản tiền như xây dựng trường, tiền học thêm, bảo hiểm y tế, quỹ các loại... tuy không nhiều đối với cư dân nhiều vùng nhưng với người nghèo là một gánh nặng đáng kể), do khó khăn, nhiều cha mẹ còn khuyến khích con bỏ học sớm để đóng góp thêm vào thu nhập gia đình. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, các em gái thường bị thiệt thòi hơn các em trai, vì theo truyền thống, nữ phải làm nhiều việc hơn và với tư tưởng “trọng nam, khinh nữ” thì các em gái thường phải ở nhà giúp cha mẹ, không được ưu tiên học hành như các anh, em trai trong gia đình. Đối với con em hộ nghèo, trình độ học vấn không cao, tỷ lệ trẻ không được đến trường cũng khá nhiều. Đây cũng là một trở ngại lớn trong việc phổ cập kiến thức phát triển kinh tế. Ở các hộ có kinh tế khá giả và trình độ học vấn cao con em được đến trường đầy đủ và được học lên cao hơn các hộ nghèo và học vấn thấp.

2. Nhu cầu hưởng thụ văn hoá, tinh thần

Bảng 2: Nhu cầu tham gia các hoạt động văn hoá, tinh thần của người nghèo

TT	Các hoạt động	Mức độ thích tham gia các hoạt động (ĐTB)	Thực trạng tham gia các hoạt động (ĐTB)
1	Sang nhà hàng xóm chơi	3.12	3.79
2	Đi thăm bố mẹ, anh em, họ hàng	3.51	3.48
3	Liên hoan, giỗ chạp, cưới xin anh em, họ hàng	2.98	2.55
4	Xem tivi tại nhà hoặc hàng xóm	3.14	3.73
5	Đi chợ chơi, mua sắm, bán hàng	2.51	2.14
6	Đi liên hoan, thăm bạn bè ở các thôn bản khác	2.17	1.54
7	Tham gia các hội đồng môn, đồng niên	1.38	0.67
8	Tham gia các câu lạc bộ theo sở thích	1.49	1.20
9	Tham gia hội làng, thôn, bản, xã	2.54	1.58
10	Sinh hoạt cụm dân cư (xóm, thôn, bản, xã)	2.91	2.49
11	Sinh hoạt các đoàn thể chính trị, xã hội	2.43	1.91
12	Đi xem phim, xem ca nhạc	1.40	0.92
13	Đi lễ tại các chùa, nhà thờ ở thôn, bản, xã	1.06	0.50
14	Đi lễ chùa, nhà thờ ở các địa danh nổi tiếng	1.14	0.32
15	Đi chơi xa, du lịch, nghỉ mát	1.61	0.33

Đo mức độ của các mệnh đề trên bằng thang 4 mức độ: 1 điểm không thích đến 4 điểm - rất thích. Điểm trung bình cho mỗi mệnh đề là 2.5.

Chất lượng sống không chỉ thể hiện ở đời sống vật chất mà còn thể hiện một cách rõ nét ở đời sống văn hoá - tinh thần. Trong cuộc khảo sát, chúng tôi cố gắng tìm hiểu nhu cầu về đời sống văn hoá - tinh thần của người nghèo qua việc xem tivi, tham gia các sinh hoạt cộng đồng...

Kết quả khảo sát trình bày trong bảng 2 cho thấy, chỉ có một số rất ít các nhu cầu văn hóa tinh thần của người nông dân nghèo vùng miền núi Tây Bắc là đạt được mức trên trung bình, trong đó chiếm ưu thế nhất vẫn là nhu cầu đi thăm hỏi cha mẹ, anh em, họ hàng (điểm trung bình 3.51). Điều này cho thấy, gia đình và những người thân luôn là nguồn động viên an ủi, là điểm tựa cho mỗi chúng ta trong cuộc sống hàng ngày.

Tiếp đó là nhu cầu giao lưu, trò chuyện với bà con hàng xóm cũng được phần lớn khách thể nghiên cứu lựa chọn. Có thể nhận thấy rõ nhu cầu này của bà con nông dân nghèo thông qua hình thức thích sang nhà hàng xóm chơi những lúc rỗi rãi (với điểm trung bình 3.12) hoặc xem ti vi ở nhà hàng xóm (điểm trung bình là 3.14). Điều này cho thấy, người nông dân luôn coi trọng tình nghĩa làng xóm, tắt lửa tối đèn có nhau. Ngoài ra, nhu cầu này còn được thể hiện qua các hình thức giao lưu khác như hội họp, sinh hoạt tại các cụm dân cư, tham gia hội làng, sinh hoạt các đoàn thể chính trị xã hội của thôn bản, tuy nhiên mức độ thích của họ có phần giảm hơn so với 2 hình thức trình bày trên đây (điểm trung bình từ 2.43 đến 2.91).

Bên cạnh những nhu cầu nêu trên thì một số hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần khác hầu như rất ít được bà con chú trọng, trong đó phải kể đến các nhu cầu như đi xem phim, xem ca nhạc; nhu cầu tham gia các câu lạc bộ theo sở thích; nhu cầu tham gia các hội đồng môn, đồng niên; nhu cầu đi chơi xa, du lịch, nghỉ mát và nhu cầu đi lễ chùa, đi nhà thờ,... Dường như có rất ít người có các nhu cầu này (điểm trung bình chỉ đạt mức từ 1.06 đến 1.49). Phải chăng đối với người nông dân nghèo vùng miền núi Tây Bắc, các nhu cầu này là không thực tế và quá xa xỉ.

Một số suy nghĩ rút ra từ nghiên cứu này:

- Có thể nhận thấy, hoạt động của người nông dân nghèo ở miền núi Tây Bắc tương đối khép kín. Chủ yếu những người nghèo chỉ quanh quẩn trong thôn, bản của mình (sang nhà bố mẹ, sang nhà hàng xóm...). Họ hầu như rất ít có nhu cầu giao lưu ngoài thôn bản (trừ nhu cầu đi chơi chợ và liên hoan, thăm bạn bè ở các thôn bản khác của nhóm khách thể còn trẻ tuổi). Có thể ở miền núi đường xá xa xôi, việc đi lại khó khăn cũng ảnh hưởng đến nhu cầu của người nghèo. Chính việc ít giao lưu đã hạn chế khả năng quan hệ, mở mang tầm nhìn, thu nhận thông tin, kiến thức, hiểu biết thêm về con người và xã hội để phát triển kinh tế của người nghèo Tây Bắc.

- Người nghèo có nhu cầu cho con em họ được học hành, phát triển nghề nghiệp nhưng với vị trí địa lý ở vùng sâu, vùng xa cùng với điều kiện kinh tế quá khó khăn đã khiến cho phần đa con em họ nghèo ở miền núi phía Bắc học hành dang dở, không có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Thực tế cho thấy, nguyện vọng của người nghèo về giáo dục cần được quan tâm, xem xét, giải quyết. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, đào tạo cho phù hợp, trang bị cho con em người nghèo có tri thức, nghề nghiệp để họ có thể hoà nhập được với đời sống cộng đồng, vươn lên thoát nghèo, tránh nguy cơ bị tụt hậu của những người này.